TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28/08/2026
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Mạnh Tiến; Bà Bùi Thị Xuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa*: Ông Dương Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 08 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2026/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2026, về việc tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1029/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1023/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2026**,** giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hà Kim N, sinh năm 1982; Số CCCD: 038182001950

Nơi cư trú: Thôn T (nay là thôn N), xã C, tỉnh Thanh Hóa; Có đơn xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1976; Số CCCD:

Nơi cư trú: Thôn T (nay là thôn N), xã C, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Toà án, nguyên đơn chị Hà Kim N trình bày: Chị và anh Đỗ Mạnh H tự do tìm hiểu và tự nguyện cưới năm 2004, đăng ký kết hôn ngày 20/12/2004 tại UBND xã C (nay là xã C), tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian, đến cuối năm 2016, vợ chồng mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm. Gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không hòa giải được cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2025 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, chị N đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 con chung là cháu Đỗ Mạnh T sinh ngày 08/6/2005 (Đã thành niên) và cháu Đỗ Mạnh G, sinh ngày 23/12/2009. Tại đơn khởi kiện chị có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu G, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên cháu G muốn được ở với bố nên chị thay đổi ý kiến, đồng ý giao cháu G cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Đỗ Mạnh H: Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 03/7/2026 anh H trình bày :

Về hôn nhân: Anh và chị Hà Kim N được tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBDN xã C (nay là UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, sau đó chị N bỏ nhà đi. Nay chị N đề nghị ly hôn, anh không muốn ly hôn, nhưng, chị N vẫn cương quyết đòi ly hôn nên anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Mạnh T sinh ngày 08/6/2005 (Đã thành niên) và cháu Đỗ Mạnh G, sinh ngày 23/12/2009. Cháu T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu G muốn ở cùng anh nên anh sẽ nhận trách nhiệm nuôi cháu G, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành lập biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự. Tuy nhiên sau đó anh H có đơn thay đổi ý kiến, không đồng ý ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 27/4/2026 với chính quyền địa phương và bà Hoàng Thị N1 (mẹ đẻ anh Đỗ Mạnh H) thể hiện: Chị N và anh H đều có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay anh H đang có mặt tại địa phương. Về mâu thuẫn và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng thôn cũng như chính quyền địa phương không nắm được, Vì chị N và anh H không yêu cầu hòa giải cơ sở.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị được ly hôn; bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án, không có mặt để làm việc là từ bỏ quyền và vi phạm nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng Dân sự; Khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Đề nghị xử cho chị N được ly hôn anh H; Về con chung: Giao cháu Đỗ Mạnh G, sinh ngày 23/12/2009 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng

đến đủ tuổi thành niên, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đỗ Mạnh H có hộ khẩu thường trú tại thôn T (nay là thôn N), xã C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4]. Xét yêu cầu của nguyên đơn: Chị N và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình.

Trong quá trình chung sống chị N và anh H có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, do đó chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, tại Biên bản hòa giải ngày 03/7/2026 anh H và chị N đã thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn, sau đó anh H thay đổi ý kiến không đồng ý ly hôn. Tòa án đã triệu tập nhiều lần để làm việc nhưng anh H không có mặt tại Tòa án. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được giải quyết ly hôn. Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù anh H không muốn ly hôn, nhưng bản thân anh không có biện pháp hay cố gắng tìm cách giải quyết mâu thuẫn, hay thuyết phục chị N thay đổi yêu cầu. Tòa án triệu tập anh H đến làm việc anh cũng không có mặt, đồng thời từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa. Điều đó cho thấy anh H không có thiện chí hòa giải, quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chi N được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị N và anh H có hai con chung là Đỗ Mạnh T sinh ngày 08/6/2005 (Đã thành niên) và cháu Đỗ Mạnh G, sinh ngày 23/12/2009. Cháu T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu G muốn ở cùng anh H, anh H cũng có nguyện vọng nuôi cháu G. Chị N đồng ý giao cháu G cho anh H nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cháu G cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên là có căn cứ.

Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị N phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 2 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho chị H Kim Ngân được ly hôn anh Đỗ Mạnh H.

2. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đỗ Mạnh T sinh ngày 08/6/2005 (Đã thành niên) và cháu Đỗ Mạnh G, sinh ngày 23/12/2009. Cháu T đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Giao cháu Đỗ Mạnh G cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị N có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các đương sự có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Hà Kim N phải chịu 300.000đ án phí DSST. Được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp TUAP theo biên lai số 0002706, ngày 08/4/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Thanh Hóa. Chị N đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Kim N, anh Đỗ Mạnh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 12-TH;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Cẩm Thủy;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Thị Dung